

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Đạt phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Điền
Bà Nguyễn Thị Tần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị O, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu T, xã H, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay đang ở nước ngoài.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O:

Chị Trịnh Thanh H, sinh năm 1998.

Chị Trịnh Thị L, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Số D T, phường T, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu T, xã H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị O, chị H, chị L, anh H1 đều vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo có xác nhận của Văn phòng K tại Đ, nguyên đơn chị Hà Thị O trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 09/01/2002. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó

phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng: về quan điểm sống trong việc chi tiêu trong gia đình, chăm sóc con cái, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ khi chị đi xuất khẩu lao động tại Đài loan từ ngày 29/8/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc, cuộc sống chung không còn hòa hợp nữa nên đề nghị ly hôn anh H1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị O xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/9/2003, cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 24/4/2008 và cháu Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 20/01/2010. Chị đề nghị để anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1 là Q và L1 mỗi cháu 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị O không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là Anh Nguyễn Văn H1 trình bày:* Anh đã đọc đơn khởi kiện của chị O, anh hoàn toàn đồng ý về mặt nội dung. Nay chị O xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/9/2003 (cháu bị bệnh tự kỷ), cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 24/4/2008, hiện nay đang học lớp 12A5 tại Trường THPT H2 và cháu Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 20/01/2010, hiện nay đang học lớp 10A3 tại Trường THPT H2. Từ khi chị O đi nước ngoài thì anh là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đã 03 năm nay, chị O không gửi tiền về nuôi con cũng như không gọi điện về hỏi thăm con chung. Nay anh đề nghị được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Tại bản tự khai các cháu Nguyễn Xuân Q và Nguyễn Thùy L1 cùng thể hiện nguyện vọng* là nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu xin được ở với bố.

4. *Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân với đại diện UBND xã H, trưởng khu, cán bộ phụ trách tư pháp cung cấp:* Chị O và anh Đ kết hôn với nhau. Trong quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Năm 2023 chị O đi nước ngoài, từ đó đến nay 2 anh chị sống ly thân không quan tâm đến nhau. Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

5. *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình (HN&GD); Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị O với anh Nguyễn Văn H1.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 24/4/2008 và cháu Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 20/01/2010 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H1 không yêu cầu. Chị O được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị O là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2025 và các tài liệu kèm theo có xác nhận của Văn phòng K tại Đ chứng thực chứng minh tại thời điểm khởi kiện thì chị O đang ở nước ngoài. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Điều 123 của Luật HN&GD. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này chị O không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của BLTTDS. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Hà Thị O, anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt nhưng có đơn, yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của BLTTDS Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị O và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị O trình bày giữa chị O và anh H1 có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng về quan điểm sống, trong việc chăm sóc con chung, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải và hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nhiều năm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1. Anh H1 đã xác nhận những lời trình bày của chị O và anh đồng ý ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh H1 có ba con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/9/2003 (cháu bị bệnh tự kỷ), cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 24/4/2008 và cháu Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 20/01/2010. Hiện nay cháu A đã trưởng thành, 2 cháu Q và L1 có nguyện vọng muốn ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Xét thấy: Nguyên vọng được nuôi con chung là nguyên vọng chính đáng của cha, mẹ nên cần xem xét nguyên vọng phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi cần đảm bảo cuộc sống mọi mặt cho các cháu. Trên thực tế chị O đang ở nước ngoài không ở Việt Nam không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, để các cháu có điều kiện sống tốt nhất và ổn định thì cần giao cả 2 cháu Q và cháu L1 cho anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyên vọng của chị O, anh H1 và các con chung là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị O tự nguyện cấp dưỡng nuôi 2 con chung, mỗi cháu 2.000.000đ/tháng, nhưng anh H1 không yêu cầu nên cần xác nhận tự nguyện của anh H1.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Chị O và anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị O phải chịu 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị O và anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 24/4/2008 và cháu Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 20/01/2010. Xác nhận anh H1 tự nguyện không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị O có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị O, do chị Trịnh Thị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0000590 ngày 04/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Về quyền kháng cáo: Anh Hùng có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao xét xử. Chị O cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Cần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh